TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/10/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

-*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Bích

Ông Nguyễn Ngọc Sửu

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXX-ST ngày 16/9/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐ-ST ngày 03/10/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Đào Viết M, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố B, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố B, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Đảo Síp không có địa chỉ)

Địa chỉ cuối cùng của chị Phạm Thị H tại Việt Nam: Phố B, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 24/7/2019 nguyên

đơn anh Đào Viết M trình bày:

Anh và chị Phạm Thị H kết hôn vào năm 1993. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình anh. Ban đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì chị H đi lao động tại Đảo Síp, thời gian đầu sang Đảo Síp thì chị H vẫn thường xuyên liên lạc về động viên thăm hỏi chồng con. Đến năm 2014 thì vợ chồng anh ít liên lạc với nhau hơn nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Từ khi đi lao động tại Đảo Síp đến nay thì chị H chưa về Việt Nam tham gia đình lần nào. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị H.

*Về con chung***:** Anh và chị H có 2 con chung là cháu Đào Thị T, sinh năm 1995 và Đào Thị Thảo N, sinh năm 2000. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

*Về tài sản, công nợ***:** Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh M trình bày: Hiện nay chị H vẫn ở Đảo Síp, địa chỉ cụ thể của chị H ở Đảo Síp anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh có hỏi địa chỉ của chị H nhưng chị H không cung địa chỉ ở Đảo Síp cho anh, chị H vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ chị là ông Phạm Văn L, sinh năm 1947 và bà Hà Thị M, sinh năm 1951 trú tại: thôn Đ, xã Tân T, huyện L, tỉnh Bắc Giang cố tình giấu địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do anh đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Phạm Thị H.

Bị đơn chị Phạm Thị H không có bản tự khai: Ngày 25/7/2019 và ngày 02/8/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị Phạm Thị H là bà Hà Thị M, sinh năm 1951, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà M thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Đào Viết M và chị Phạm Thị H; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà M cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đảo Síp. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc bà M vẫn giữ nguyên quan điểm là chị H ở Đảo Síp vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đảo Síp cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị H, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để

chị gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị H gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Đào Viết M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Phạm Thị H vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh M; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị H là bà Hà Thị M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn anh Đào Viết M có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị H là đúng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Viết M. Xử cho anh Đào Viết M được ly hôn chị Phạm Thị H. Anh Đào Viết M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Anh Đào Viết M là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh M.

Đối với bị đơn chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị H là bà Hà Thị M để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà M thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Đào Viết M và chị Phạm Thị H; Yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu

cầu bà M cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Đảo Síp. Bà Hà Thị M trình bày: Chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà Mão vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị H theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: Anh Đào Viết M là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Phạm Thị H, chị H hiện đang lao động tại Đảo Síp nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 10899/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 08/7/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), chị H xuất cảnh ngày 12/3/2011 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam là: thôn 13, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh M và chị H kết hôn năm 1993 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo anh M trình bày: Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu và ở chung cùng gia đình anh. Đến năm 2011 thì chị H đi lao động tại Đảo Síp thời gian đầu thì chị H còn thường xuyên liên lạc về cho anh, đến khoảng năm 2014 thì vợ chồng anh ít liên lạc với nhau hơn, nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách lâu ngày không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống và từ khi đi lao động tại Đảo Síp đến nay chị H chưa về thăm gia đình lần nào. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đào Viết M với chị Phạm Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh M và chị H chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2011 thì chị H đi lao động tại Đảo Síp và quá trình từ năm 2011 đến nay chị H cũng không về thăm gia đình lần nào và từ năm 2014 đến nay vợ chồng ít liên lạc với nhau hơn và không còn quan tâm hỏi thăm nhau nữa. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh M và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M. Xử cho anh M được ly hôn chị H

[4]. Về con chung: Anh M và chị H có 2 con chung là cháu Đào Thị T, sinh năm 1995 và cháu Đào Thị Thảo N, sinh năm 2000. Hiện nay các cháu đã trưởng

thành, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Đào Viết M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Viết M được ly hôn chị Phạm Thị H.

2.Về án phí: Anh Đào Viết M phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000373 ngày 23/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh M đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Đào Viết M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Phạm Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã A, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

(Đã Ký)

Hoàng Thị Thu Hiền